

Bản án số: 53/2022/DS-PT

Ngày: 17-02-2022

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Võ T;

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

Bà Nguyễn Thị Vĩnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17/02/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công Ki vụ án thụ lý số: 178/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về “V/v tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2021/DS-ST ngày 02 tháng 06 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 316/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 49/2022/ QĐ- PT ngày 19/01/2022, giữa:

- Nguyên đơn: Nguyễn Văn M, sinh năm 1966.

Địa chỉ: số 518, tổ 25, khóm 3, phường 11, thành phố C, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Văn R, sinh năm 1973.

Địa chỉ: tổ 16, ấp 1, xã G, huyện C, Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1972.

Địa chỉ: số 301, tổ 25, khóm 3, phường 11, thành phố C, Đồng Tháp.

2. Nguyễn Thị T, sinh năm 1973.

3. Nguyễn Anh T1, sinh năm 1995.

4. Nguyễn Dương T2, sinh năm 1997.

5. Nguyễn Nhựt K, sinh 2003.

6. Nguyễn Gia Q, sinh ngày 06/11/2008.

Cùng địa chỉ: tổ 16, ấp 1, xã G, huyện C, Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Gia Q: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1973 (cha ruột) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973 (mẹ ruột); Địa chỉ: tổ 16, ấp 1, xã G, huyện C, Đồng Tháp, là người đại diện theo pháp luật.

7. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Khóm Mỹ Tây, thị trấn M, huyện C, Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh: Ông Lê Chí Thiện- Chức vụ: Chủ tịch, là người đại diện theo pháp luật.

8. Ngân hàng N.

Địa chỉ: số 02 Láng Hạ, phường T, quận B, Hà Nội.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn R là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo các Đơn khởi kiện ngày 04/9/2020 và 21/9/2020, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn M là nguyên đơn trình bày:*

Đất tranh chấp có diện tích 1.145m², trong phạm vi các mốc M1, M2, M9, M8 về mốc M1 theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, ngày 30/3/2021, thuộc một phần thửa số 224, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp 1, xã G, huyện C, Đồng Tháp, đất hiện do ông Nguyễn Văn R đứng tên.

Nguồn gốc đất là của cha mẹ khai hoang, sử dụng từ năm 1967. Năm 1987, mẹ cho ông M 05 công tầm cắt, diện tích 6.500m², nhưng thực tế bà giao cho ông M được đứng tên và canh tác 06 công, có dặn để 01 công làm lối đi chung cho anh em và nếu chuyển nhượng thì cũng phải chừa lại 01 công này. Ông M canh tác đến năm 2017 mới đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp tại thửa 224, tờ bản đồ số 4, diện tích 7.800m². Tuy nhiên, trước năm 2017, ông M đã chuyển nhượng 05 công cho em ruột là bà Nguyễn Thị Đ. Do là anh em ruột nên sau khi được cấp đất, ông M làm hợp đồng tặng cho toàn bộ thửa 224 cho bà Đ mà không làm hợp đồng chuyển nhượng. Khi làm hợp đồng thì có nói với bà Đ chừa lại 01 công giáp với thửa 31 của ông Trần Phú Hữu để làm đường đi. Sau khi nhận đất, bà Đ canh tác được khoảng 01 - 02 mùa và giao cho ông Nguyễn Văn Đ1 là em ruột làm giúp. Đến kỳ thu hoạch, ông Đ1 giao hoa lợi của 05 công cho bà Đ, giao hoa lợi của 01 công cho bà T3 để tiêu xài.

Tháng 11/2017, bà Đ chuyển nhượng 05 công đất thuộc một phần thửa 224 lại cho anh ruột là ông Nguyễn Văn R. Tuy nhiên khi thực hiện thủ tục thì làm hợp đồng tặng cho và cũng chuyển toàn bộ thửa 224. Bà Đ có nói lại với ông R chỉ chuyển nhượng 05 công tầm cắt, chừa lại 01 công làm lối đi. Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông R canh tác, có chừa lại 01 công nhưng ở vị trí giáp với thửa đất 218 của bà Dúng, không đúng vị trí đã thỏa thuận là giáp với ông Hữu. Biết việc ông R sử dụng đất như vậy nên gia đình nói chuyện thỏa thuận với nhau

nhưng không có kết quả. Đến tháng 07/2020, ông R thuê kobe tiến hành lên liếp tất cả phần đất giáp lộ nên ông M báo chính quyền địa phương yêu cầu ngưng lại nhưng ông R vẫn tiếp tục lên liếp và trồng cây cho đến nay. Do đó, nay ông M khởi kiện yêu cầu các vấn đề sau:

Khi khởi kiện thì ông M yêu cầu ông R và trả lại cho ông M diện tích 1.391,6m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M6, M7 về M1, tuy nhiên tại phiên tòa đã xác định ông R không sử dụng diện tích 246,6m² trong phạm vi các mốc M6, M7, M8, M9 về mốc M6 nên ông M có thay đổi yêu cầu, theo đó chỉ yêu cầu ông R và vợ là bà T là những người đang sử dụng đất di dời toàn bộ cây trồng có trên đất, trả lại cho ông M diện tích 1.145m², trong phạm vi các mốc M1, M2, M9, M8 về mốc M1 theo Sơ đồ đặc hiện trạng đất tranh chấp ngày 30/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh, đất thuộc một phần thửa số 224, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp 1, xã Gáo Giồng, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp. Trường hợp được chấp nhận yêu cầu thì ông M không yêu cầu ông R, bà T bồi thường chi phí để san lấp đất như hiện trạng ban đầu.

Điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông R, thu hồi diện tích 1.391,6m² đã cấp cho ông R thuộc một phần thửa đất số 224, tờ bản đồ số 4 nêu trên để cấp lại cho ông M.

** Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn R là bị đơn và bà Nguyễn Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất trình bày:*

Ông R và bà T thống nhất nguồn gốc đất và quá trình chuyển nhượng như ông M trình bày. Do bà Đ bị bệnh cần tiền chữa trị nên đã chuyển nhượng lại 05 công đất, diện tích 6.500m² cho ông R, giá là 80.000.000 đồng/công với điều kiện mỗi công đất đều giáp thủy lợi (việc thỏa thuận này không có lập thành văn bản, chỉ nói miệng). Khi nhận chuyển nhượng thì bà Đ có nói với ông R là chừa lại 01 công làm lối đi nhưng ông R không đồng ý mà nói ông đi đường nào thì anh em đi chung đường đó. Sau đó, hai bên vẫn tiếp tục làm thủ tục nhưng do là anh em ruột nên làm hợp đồng tặng, cho quyền sử dụng đất. Khi sử dụng đất thì ông R có chừa lại 01 công giáp với thửa đất 218 của bà Dúng không canh tác. Đến tháng 7/2020, ông R thuê kobe tiến hành lên liếp tất cả 05 công mà ông R đang canh tác, ông M có ngăn cản nhưng ông R xác định đất của mình nên ông vẫn thực hiện và trồng các loại cây mít, cóc, xoài.

Nay ông R không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông M. Ông R chỉ đồng ý trả lại diện tích đất 1.427,5m² trong phạm vi các mốc M4, M5, M7, M8 về M4 theo Sơ đồ đặc hiện trạng đất tranh chấp ngày 30/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, đất thuộc một phần thửa 224, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp 1, xã G, huyện C, Đồng Tháp cho bà Đ vì nhận chuyển nhượng từ bà Đ.

Hiện nay ông R đã thanh toán xong các khoản nợ vay tại Ngân hàng N nhưng chưa nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất đã tranh chấp mà còn gửi tại Ngân hàng.

** Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Bà Đ là em ruột của ông M và ông R, thống nhất lời trình bày của ông M

về nguồn gốc đất tranh chấp và quá trình chuyển nhượng. Khi chuyển nhượng từ ông M thì bà biết có chừa 01 công làm đường đi. Do đó, bà chỉ chuyển nhượng cho ông R 05 công và có nói phải chừa 01 công giáp với ông Hữu làm đường đi thì ông R nói sau này ông đi đường nào thì anh em đi đường đó. Nhưng sau khi chuyển nhượng xong thì ông R sử dụng đất chừa lại 01 công giáp với thửa đất của bà Dúng không có sử dụng. Việc ông R chừa như vậy thì anh em trong gia đình biết, có trao đổi với nhau nhưng không được. Đến khi ông R lên liếp trồng cây lâu năm, anh em làm lúa phía sau không có lối đi mới xảy ra tranh chấp.

Nay đối với yêu cầu của ông M thì bà Đ không có ý kiến, đề Hội đồng xét xử giải quyết. Trường hợp ông R đồng ý trả lại diện tích đất 1.427,5m² trong phạm vi các mốc M8, M4, M5, M7 về M8 theo Sơ đồ đặc hiện trạng đất tranh chấp ngày 30/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, đất thuộc một phần thửa 224, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp 1, xã G, huyện C, Đồng Tháp cho bà thì bà Đ đồng ý và đồng ý trả cho ông M diện tích này vì trước đây bà không có chuyển nhượng.

** Ngân hàng N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Trong năm 2019 và 2020, hộ ông R có vay tại Ngân hàng N số tiền 885.000.000 đồng. Đến ngày 15/01/2021, hộ ông R đã trả hết nợ ngân hàng. Ngân hàng đề nghị không tham gia tố tụng.

** Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm di dời toàn bộ cây trồng và trả lại diện tích đất 1.145m², thuộc một phần thửa 224, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp 1, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Buộc ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị T phải giao cho ông Nguyễn Văn M diện tích đất 1.145m², trong phạm vi các mốc M1, M2, M9, M8 trở về mốc M1, tại một phần thửa số 224, tờ bản đồ số 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn R vào ngày 22/12/2017, đất tại ấp 1, xã G, huyện C, Đồng Tháp.

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện C; Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 30/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C)

Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai thu hồi một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 804086, số vào sổ CS06504, ngày 22/12/2017, đã cấp cho ông Nguyễn Văn R đối với diện tích 1.391,6m², loại đất chuyên trồng lúa nước, trong phạm vi các mốc M1, M2, M6, M7 về mốc M1 theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 30/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, thuộc một phần thửa 224, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc ấp 1, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp để cấp lại cho ông Nguyễn Văn M.

- Ông Nguyễn Văn M và ông Nguyễn Văn R có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để làm thủ tục kê khai, đăng ký,

tách, chuyển, điều chỉnh đối với diện tích đất mà mình được Tòa án công nhận quyền sử dụng theo bản án đã tuyên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn R kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông R. Giữ nguyên nội dung quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M với bị đơn ông Nguyễn Văn R nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tặng, cho quyền sử dụng đất, phù hợp với quy định tại khoản 9, điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Phần đất các bên đang có tranh chấp tọa lạc tại xã Gáo Giồng, Huyện C nên Tòa án huyện C thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn R về việc không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Về nguồn gốc đất: Được các bên đương sự xác định là của cha mẹ các đương sự Ki hoang, sử dụng từ năm 1967. Năm 1987, ông M được mẹ ruột cho 05 công đất với tổng diện tích 6.500m². Thực tế là ông M được cho thêm 01 công giáp với ông Trần Phú H, tổng cộng là 06 công với điều kiện công đất cho thêm để làm đường đi chung cho các anh em canh tác đất phía sau; việc tặng cho thêm một công đất để làm lối đi chung, các anh, em trong gia đình đều biết. Hiện nay, các anh, em của ông M, ông R đều xác định là của mẹ cho ông M, nên các anh, em thống nhất không ai tranh chấp hoặc yêu cầu gì trong vụ án này.

- Về quá trình sử dụng: Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự thì phần đất này do ông M quản lý sử dụng từ lúc được mẹ là bà T3 tặng, cho; đến năm 2017 ông M mới chuyển nhượng lại cho bà Đ; Sau đó, bà Đ mới chuyển nhượng lại cho ông R. Tuy nhiên, qua các lần chuyển nhượng (bằng hình thức tặng cho) thì các bên đều thống nhất mặc dù chuyển nhượng hết thửa (tương đương với 6 công) nhưng có thỏa thuận phải chừa lại 01 công, giáp với đất ông Phú Hữu để làm lối đi ra ruộng cho các anh, em.

Căn cứ vào ý kiến trình bày của bà Đ tại phiên tòa sơ thẩm thì bà Đ xác định diện tích đất để làm lối đi cho các anh, em đi ra ruộng là phần giáp kênh thủy lợi và là phần đất giáp với đất ông Phú H, nhưng phía bị đơn là ông R lại cho rằng phần diện tích làm lối đi là phần hậu đất của ông và giáp với đất bà Dúng. Do đó, lời trình bày của ông R là không phù hợp với quá trình sử dụng đất từ trước đến nay.

- Về hiện trạng sử dụng: Phần đất tranh chấp trước đây có hiện trạng là đất trồng lúa. Ngày 24/12/2019 (âm lịch), ông R tiến hành lên liếp phần đất thuộc thửa 224 để chuyển đổi trồng cây lâu năm dẫn đến không còn lối đi. Ông M đã tranh cãi và báo chính quyền địa phương, địa phương đã lập biên bản đề nghị tạm ngừng nhưng ông R vẫn thực hiện, đến nay đã trồng các loại cây mít, xoài, cóc. Do ông R đã thay đổi hiện trạng đất tranh chấp, trồng cây trên phần đất được xác định là thuộc quyền của ông M khi đã xảy ra tranh chấp nên nay ông M yêu cầu ông R phải di dời cây trồng là có căn cứ chấp nhận. Đối với hiện trạng đất, ông M xác định trường hợp nếu được chấp nhận yêu cầu thì ông M tự san lấp để sử dụng, không yêu cầu ông R bồi thường hoặc khôi phục hiện trạng ban đầu cũng như không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Từ những nhận định và phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn R, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông R nên ông R phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 điều 26, khoản 1 Điều 38, Điều 148, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn R;
2. Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 39/2021/DS-ST ngày 02/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện C;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm di dời toàn bộ cây trồng và trả lại diện tích đất 1.145m², thuộc một phần thửa 224, tờ bản đồ số 4, loại đất chuyên trồng lúa nước; đất tọa lạc tại ấp 1, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Buộc ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm di dời toàn bộ cây trồng và trả lại diện tích đất 1.145m² cho ông Nguyễn Văn M, trong phạm vi các mốc (M1, M2, M9, M8 trở về mốc M1), thuộc một phần thửa số 224, tờ bản đồ số 4, loại đất chuyên trồng lúa nước; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn R vào ngày 22/12/2017, đất tại ấp 1, xã G, huyện C, Đồng Tháp.

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện C; Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 30/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C)

Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai thu hồi một phần trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 804086, số vào sổ CS06504, ngày 22/12/2017, đã cấp cho ông Nguyễn Văn R đối với diện tích 1.391,6m², loại đất chuyên trồng lúa nước, trong phạm vi các mốc (M1, M2, M6, M7 về mốc M1) theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 30/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, thuộc một phần thửa 224, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc ấp 1, xã Gáo Giồng, huyện C, tỉnh Đồng Tháp để cấp lại cho ông Nguyễn Văn M.

- Ông Nguyễn Văn M và ông Nguyễn Văn R có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để làm thủ tục kê Ki, đăng ký, tách, chuyển, điều chỉnh đối với diện tích đất theo bản án đã tuyên.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.149.000 đồng (Ba triệu một trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.850.000 đồng (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004192, ngày 26/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, Đồng Tháp.

- Về chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị T phải liên đới nộp lại số tiền 5.848.000 đồng (Năm triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng) để trả lại cho ông Nguyễn Văn M do ông M đã nộp tạm ứng và chi xong.

- Về án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn R phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012804, ngày 15/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. C;
- Chi cục THADS H. C;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Võ T